TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DẦU TIẾNG** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2019/DS-ST
Ngày: 27-3-2019
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Tuyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Đắc Minh;

2. Bà Vương Thị Vui.

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Trần Thị Tuyết - Thư ký Toà án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa***: Ông Trương Quốc Khanh – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 425/2018/TLST-DS ngày 13 tháng 12 năm 2018 về "tranh chấp hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2019/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 02 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2019/QĐST-DS ngày 06 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Ngân hàng C. Địa chỉ: Số 169, phố L, phường H1, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng C: Ông Trần Đăng K – Chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện D là người đại diện theo ủy quyền (Quyết định ủy quyền tham gia tố tụng và thi hành án số 4716/QĐ-NHCSXH ngày 25/11/2016).

2. *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thúy P, sinh năm 1979 và ông Nguyễn Văn P1, sinh năm 1981. Cùng địa chỉ: Ấp C1, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Đại diện nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 13/11/2018, đơn xin rút một phần nội dung khởi kiện ngày 08/01/2019, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn ông Trần Đăng K trình bày:

Ngân hàng C có ký các hợp đồng tín dụng cho bị đơn bà Nguyễn Thúy P và ông Nguyễn Văn P1 vay tiền như sau:

Ngày 17/7/2015, bị đơn bà Nguyễn Thúy P và ông Nguyễn Văn P1 làm giấy đề nghị vay vốn chương trình Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn để xây dựng công trình nước sạch, công trình vệ sinh. Tổ tiết kiệm và vay vốn ấp C1, xã M lập danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn Ngân hàng C trình Ủy ban nhân dân xã M phê duyệt. Căn cứ vào danh sách trên, ngày 22/7/2015, Ngân hàng C giải ngân cho bị đơn vay số tiền 12.000.000 đồng, thời gian cho vay 60 tháng, lãi suất 0.75%/tháng, mã món vay 6600000705080638. Hình thức cho vay là ủy thác qua Hội nông dân xã M, không có bảo đảm bằng tài sản.

Ngày 21/11/2016, bị đơn làm giấy đề nghị vay vốn chương trình Hộ thoát nghèo để chăm sóc cao su và trồng cây thuốc cá được Tổ tiết kiệm và vay vốn ấp C1, xã M lập danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn Ngân hàng C trình Ủy ban nhân dân xã M phê duyệt. Căn cứ vào danh sách trên, ngày 22/11/2016, Ngân hàng C giải ngân cho bị đơn vay số tiền 30.000.000 đồng, thời gian cho vay 24 tháng, lãi suất 0.6875%/tháng, mã món vay 6600000709028257. Hình thức cho vay là ủy thác qua Hội nông dân xã M, không có bảo đảm bằng tài sản.

Ngày 22/11/2016, bị đơn đã trả được 2.000.000 đồng. Tính đến ngày 13/11/2018, bị đơn còn nợ số tiền gốc và lãi là 40.212.672 đồng (bốn mươi triệu hai trăm mười hai ngàn sáu trăm bảy mươi hai đồng). Gồm 40.000.000 đồng tiền nợ gốc và 212.672 đồng tiền nợ lãi.

Bị đơn đã vi phạm hợp đồng tín dụng, sử dụng vốn vay không đúng mục đích vay, không còn khả năng trả nợ do nhà cửa đang bị Chi cục Thi hành án dân sự huyện D kê biên bán đấu giá. Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn có trách nhiệm thanh toán số tiền 40.212.672 đồng (bốn mươi triệu hai trăm mười hai ngàn sáu trăm bảy mươi hai đồng) (gồm: 40.000.000 đồng tiền nợ gốc, 212.672 đồng tiền nợ lãi tính đến ngày 13/11/2018 và phải tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Ngày 08/01/2019, nguyên đơn có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện do ngày 22/11/2018 Hội nông dân xã M và Tổ Tiết kiệm và vay vốn ấp C1, xã M đã chuyển tiền gửi tiết kiệm của hộ vay thanh toán được số tiền 5.000.000 đồng. Nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn thanh toán sô tiền gốc là 35.000.000 đồng, tiền lãi phát sinh đến ngày 08/01/2019 là 750.000 đồng.

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán cho Ngân hàng C – Phòng giao dịch Ngân hành C huyện D số tiền gốc còn nợ là 35.000.000 đồng và 1.513.097 đồng tiền lãi tính đến ngày xét xử 27/3/2019; tổng số tiền yêu cầu là 36.513.097 đồng và phải tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Ngoài ra, nguyên đơn không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

- *Bị đơn bà Nguyễn Thúy P và ông Nguyễn Văn P1*:

Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự để bị đơn bà P và ông P1 tham gia giải quyết vụ án nhưng bà P và ông P1 vắng mặt không tham gia, không có lý do. Qua xác minh chính quyền địa phương xã M xác định bà P và ông P1 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp C1, xã M, có vay nợ của Ngân hàng C, có nhà và đất ở địa phương nhưng do nợ nần đã bỏ địa phương đi để trốn tránh nghĩa vụ trả nợ.

** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng (ông K1) có ý kiến:*

Về thủ tục tố tụng: Quá trình tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, công khai chứng cứ, hòa giải, xét xử đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa, phía bị đơn bà P và ông P1 vắng mặt lần thứ hai không lý do. Quá trình tố tụng, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng để bị đơn bà P và ông P1 thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình khi tham gia giải quyết vụ án. Việc vắng mặt của bị đơn bà P và ông P1 là cố tình nên đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn theo Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Không kiến nghị khắc phục, bổ sung thủ tục tố tụng.

Về nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp hợp đồng dân sự (tín dụng) giữa một bên là Ngân hàng C với một bên là bà Nguyễn Thúy P và ông Nguyễn Văn P1 theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Kết quả xác minh xác định bị đơn bỏ đi khỏi địa phương để trốn tránh nghĩa vụ trả nợ, bị đơn vẫn có nhà và đất tại xã M, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa, bị đơn bà P và ông P1 vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng để bà P và ông P1 tham gia giải quyết vụ án nhưng bà P và ông P1 đều vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp: Ngày 13/11/2018, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán tổng số tiền 40.212.672 đồng (gồm: 40.000.000 đồng tiền gốc và 212.672 đồng tiền lãi tính đến ngày 13/11/2018), yêu cầu bị đơn phải tiếp

tục trả tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Ngày 08/01/2019, nguyên đơn có đơn xin rút một phần nội dung khởi kiện đối với số tiền 5.000.000 đồng của số tiền gốc chương trình cho vay hộ thoát nghèo, chỉ yêu cầu bị đơn thanh toán tổng số tiền là 35.750.000 đồng, gồm: 35.000.000 đồng tiền gốc (10.000.000 đồng của tiền vay nước sạch và vệ sinh môi trường, 25.000.000 đồng của tiền vay hộ thoát nghèo) và 750.000 đồng tiền lãi tính đến ngày 08/01/2019. Việc nguyên đơn tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện là phù hợp với quy định tại Điều 5, Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3.1] Ngày 22/7/2015, Ngân hàng C giải ngân cho bị đơn vay số tiền 12.000.000 đồng để xây dựng công trình nước sạch, công trình vệ sinh, thời gian cho vay 60 tháng, lãi suất 0.75%/tháng, lãi suất quá hạn là 0,975%/tháng, mã món vay 6600000705080638, hạn trả nợ cuối cùng là ngày 22/7/2020. Ngày 22/11/2016, Ngân hàng C tiếp tục giải ngân cho bị đơn vay số tiền 30.000.000 đồng để chăm sóc cao su và trồng cây thuốc cá, thời gian cho vay 24 tháng, lãi suất 0.6875%/tháng, lãi suất quá hạn là 0,89375%/tháng, mã món vay 6600000709028257, hạn trả nợ cuối cùng là ngày 22/11/2018. Cả hai món vay này của bị đơn đều được giải ngân trên cơ sở đề nghị vay vốn của bị đơn đã được Ủy ban nhân dân xã M phê duyệt. Đây là tình tiết không cần phải chứng minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, có cơ sở xác định bị đơn đã vay của Ngân hàng C tổng số tiền 42.000.000 đồng theo hai hợp đồng tín dụng đã nêu ở trên. Mã món vay 6600000705080638, tính đến ngày 22/10/2018, bà P và ông P1 đã thanh toán được tiền gốc là 2.000.000 đồng và tiền lãi là 3.204.089 đồng, còn nợ lại tiền gốc là 10.000.000 đồng. Mã món vay 6600000709028257, tính đến ngày 22/10/2018, bà P và ông P1 đã thanh toán được 4.776.994 đồng tiền lãi, tiền gốc chưa thanh toán và còn nợ 30.000.000 đồng. Ngày 22/11/2018, Ngân hàng C đã chuyển tiền gửi tiết kiệm của hộ bà P, ông P1 qua trả gốc chương trình vay hộ thoát nghèo số tiền 5.000.000 đồng, bà P và ông P1 còn nợ tiền gốc của khoản vay này là 25.000.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền gốc mà bà P, ông P1 còn nợ Ngân hàng C là 35.000.000 đồng.

[3.2] Kết quả xác minh xác định, bị đơn đã bỏ đi khỏi địa phương để trốn tránh nghĩa vụ trả nợ, nhà cửa và đất đai của bị đơn ở địa phương đang bị kê biên để đảm bảo thi hành án, bị đơn không thực hiện việc đóng tiền lãi theo quy định cho Ngân hàng C. Có cơ sở xác định bị đơn đã vi phạm hợp đồng tín dụng đã ký kết, sử dụng vốn vay không đúng mục đích dẫn đến không có khả năng trả nợ. Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tổng số tiền là 36.513.097 đồng (gồm: 35.000.000 đồng tiền gốc và 1.513.097 đồng tiền lãi tính đến ngày 27/3/2019) do bị đơn vi phạm hợp đồng là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.3] Theo hợp đồng tín dụng đã ký kết, hai bên đã thỏa thuận lãi suất trong hạn và quá hạn cho từng khoản vay. Do bị đơn vi phạm hợp đồng nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn còn phải tiếp tục chịu tiền lãi theo hợp đồng đã ký kết cho đến khi thanh toán xong các khoản vay cho nguyên đơn là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Quan điểm về nội dung vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 217, 227, 228, 266, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 463, 466, 470, 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 11, Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng C đối với bị đơn bà Nguyễn Thúy P và ông Nguyễn Văn P1 về việc "tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Buộc bà Nguyễn Thúy P và ông Nguyễn Văn P1 liên đới thanh toán cho Ngân hàng C – Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện Dầu Tiếng số tiền 36.513.097 đồng (ba mươi sáu triệu năm trăm mười ba ngàn không trăm chín mươi bảy đồng), bao gồm: 35.000.000 đồng (ba mươi lăm triệu đồng) tiền gốc, trong đó: 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) tiền gốc theo mã món vay 6600000705080638, 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng) tiền gốc theo mã món vay 6600000709028257 và 1.513.097 đồng (một triệu năm trăm mười ba ngàn không trăm chín mươi bảy đồng) tiền lãi tính đến ngày 27/3/2019.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà Nguyễn Thúy P và ông Nguyễn Văn P1 còn phải liên đới chịu tiền lãi của số tiền vay gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thoả thuận trong hai hợp đồng tín dụng đã ký kết (mã món vay 6600000705080638 và 6600000709028257) cho đến khi thanh toán xong số tiền vay gốc.

2. Đình chỉ yêu cầu của Ngân hàng C đối với số tiền gốc 5.000.000 đồng (năm triệu đồng).

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thúy P và ông Nguyễn Văn P1 phải liên đới chịu 1.825.655 đồng (một triệu tám trăm hai mươi lăm ngàn sáu trăm năm mươi lăm đồng).

Ngân hàng C thuộc trường hợp không phải chịu án phí theo quy định.

4. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án (27/3/2019).

Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CCTHADS huyện D;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phạm Ngọc Tuyền